

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH CÔNG 365**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH CÔNG 365

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109056681

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6A, phố Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |
| 20. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                           | 4512     |
| 21. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                   | 4511     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                    | 4513        |
| 23. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                  | 4520        |
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                   | 4530        |
| 25. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                               | 4541        |
| 26. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                             | 4542        |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                | 4543        |
| 28. | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 29. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                          | 4620        |
| 30. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                  | 4631        |
| 31. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                              | 4632        |
| 32. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 33. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                            | 4711        |
| 34. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4722        |
| 35. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                | 4781        |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                             | 4931        |
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                | 4932        |
| 39. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                     | 5210        |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ hoạt động vận tải hàng không)                                                                                                                                       | 5229        |
| 41. | Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất                                                                                                 | 6820        |
| 42. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                          | 7710        |
| 43. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                  | 7730        |
| 44. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                | 5224        |
| 45. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết:<br>Hoạt động điều hành bến xe<br>Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ<br>Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ | 5225(Chính) |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                       | 5610 |
| 47. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                              | 5510 |
| 48. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                               | 5621 |
| 49. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                   | 5629 |
| 50. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                | 5630 |
| 51. | Đào tạo sơ cấp                                                                                         | 8531 |
| 52. | Đào tạo cao đẳng                                                                                       | 8533 |
| 53. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; | 8559 |
| 54. | Đào tạo trung cấp                                                                                      | 8532 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN KIỀU TRANG | Số 8 Nguyễn Khắc Cần, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 25,000    | 001187026904                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                           |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 2 | ĐỒNG XUÂN VINH | Số 6 Lý Tự Trọng, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 25,000 | 001080026603 |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 25,000 |              |
| 3 | HOÀNG TIÊU NHỊ | số 248, tổ 2 Đa Sỹ, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 25,000 | 111897100    |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 25,000 |              |
| 4 | TRẦN ANH DŨNG  | Số 6B, phố Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 25,000 | 001074019478 |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                           | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 25,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN ANH DŨNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/01/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001074019478*

Ngày cấp: *09/07/2018*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6B, phố Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 6B, phố Nguyễn Viết Xuân, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội